

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATAKE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINATAKE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINATAKE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINATAKE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108135517

3. Ngày thành lập: 16/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, Khu văn phòng Tòa A, tòa nhà Imperia Garden, Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985 966 957

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
2.	Lập trình máy vi tính	6201
3.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
4.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
5.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp	7110
6.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế trang thông tin điện tử	7410
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức các sự kiện	8230
8.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: Quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải khách theo hợp đồng bằng ô tô	4932
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
16.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây lấy sợi	0116
19.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng)	0119
20.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
21.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
22.	Khai thác và thu gom than non	0520
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299(Chính)
25.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
26.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
29.	Chăn nuôi gia cầm	0146
30.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4719
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
40.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác	3822
41.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước, xử lý nước thải	3700
42.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu; thu gom rác thải độc hại; thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải y tế; thu gom rác thải độc hại khác; xử lý và tiêu hủy rác thải; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3811
43.	Thu gom rác thải độc hại Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường	3812
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuýt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ	1079
47.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
54.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510

56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu: Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh bao gồm: Thiết bị sản xuất điện ảnh; Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
57.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
60.	Khai thác gỗ Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng	0221
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật	4290
62.	Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác	4311
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
65.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình giao thông	4210
66.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến áp đến 110 KV; xây lắp hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; lắp đặt các hệ thống điện điều khiển và điện tự động hóa, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống đường ống công nghệ, hệ thống cấp thoát nước	4312
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí	4322
68.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
70.	Bán mô tô, xe máy	4541

71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; vận tải hành khách bằng xe lam, xe lô, xe máy	4931
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
75.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
76.	Điều hành tua du lịch	7912
77.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và kinh doanh lữ hành quốc tế.	7920
78.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh	8110
79.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
80.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
81.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
82.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
83.	Trồng cây ăn quả	0121
84.	Trồng cây cao su	0125
85.	Trồng cây cà phê	0126
86.	Trồng cây chè	0127
87.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Gồm các cây lâu năm như: cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không	0129
88.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
89.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
90.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
91.	Chăn nuôi lợn	0145
92.	Trồng lúa	0111
93.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Các hoạt động gieo trồng ngô (trừ trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc) và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê	0112
94.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
95.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
96.	Trồng cây điều	0123

97.	Trồng cây hồ tiêu	0124
98.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
99.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
100.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
101.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
102.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phòng hát Karaoke	9329
103.	Trồng cây mía	0114
104.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
105.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
106.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
107.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt nội thất văn phòng, thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lôi, xe công nông; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ	4933
109.	Xuất bản phần mềm	5820
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
112.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
113.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
114.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
115.	Cơ sở lưu trú khác	5590
116.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
117.	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
118.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
119.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; bán buôn hoa và cây; bán buôn động vật sống; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
121.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

122.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
123.	Bán buôn tổng hợp	4690
124.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
125.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; tái chế phế liệu phi kim loại;	3830
126.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
127.	Dịch vụ đóng gói	8292
128.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
129.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
130.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
131.	Bốc xếp hàng hóa	5224
132.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
133.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
134.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
135.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
136.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
137.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
138.	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng đủ yêu cầu và điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ VÂN ANH	Thôn 1, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	107.500	1.075.000.000	21,500	B4094938	
			Tổng số	107.500	1.075.000.000	21,500		

2	PHẠM TUẤN MẠNH	Số 62 Đồng Xuân, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	107.500	1.075.000.000	21,500	012853845	
			Tổng số	107.500	1.075.000.000	21,500		
3	HÁN VĂN ĐẠI	Thôn Thanh Lâm, Xã An Thịnh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	285.000	2.850.000.000	57,000	B5536019	
			Tổng số	285.000	2.850.000.000	57,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÁN VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B5536019

Ngày cấp: 17/08/2011

Nơi cấp: Tại cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Lâm, Xã An Thịnh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Lâm, Xã An Thịnh, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội